

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 273 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-11-2018
V/v ly hôn, nuôi con chung, tài sản
chung công nợ giữa anh C và chị X.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Thành Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Én - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2018/TLST- HNGĐ ngày 02/3/2018 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/11/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn X C, sinh năm 1984; cư trú tại: Xóm , xã Hải N, huyện H, tỉnh N. “có mặt”.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1996; cư trú tại: Xóm , xã Hải N, huyện H, tỉnh N. “có mặt”.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1974 – Luật sư thuộc Chi nhánh Công ty Luật TNHH INA.“có mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: TDP số 6, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
“vắng mặt”.

2. Bà Lê Thị B, sinh năm 1960.Địa chỉ: Xóm , xã Hải N, huyện H, tỉnh N.
“có mặt”.

3. Ông Trần Văn H, sinh năm 1976.Địa chỉ: Xóm 15, xã Hải Nam, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”.

4. Ông Nguyễn X C, sinh năm 1974.Địa chỉ: Xóm , xã Hải N, huyện H, tỉnh N. “vắng mặt”.

5. Anh Phạm Thanh Th, sinh năm 1984.Địa chỉ: Xóm 18, xã Hải Nam, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”.

6. Anh Hoàng X Ph, sinh năm 1986.Địa chỉ: Xóm 9, xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn X C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị Nguyễn Thị X đăng ký kết hôn ngày 30/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Nam, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh C, đến năm 2015 sau khi cô X sinh con, vợ chồng ra ở riêng từ cuối năm 2015 nhưng do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống về tôn giáo, luôn cãi chửi nhau, từ cuối năm 2017 cho đến nay chị X đã về nhà bố mẹ đẻ ở vợ chồng đã sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C làm đơn đề nghị Tòa án cho ly hôn với chị X.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 12/01/2015. Hiện nay đang ở cùng anh C. Nay ly hôn anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng tiền nuôi con anh theo quy định của pháp luật mà để chị X tự đi lại thăm nom chăm sóc con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 28 tháng 3 năm 2018 chị Nguyễn Thị X có đơn yêu cầu Tòa án làm rõ việc vay nợ vợ chồng và phân chia tài sản chung trong thời kỳ

hôn nhân. Anh C có ý kiến trong quá trình chung sống với nhau anh C và chị X có xây dựng một ngôi nhà hai tầng trên nền móng và đất mẹ anh C đã cho riêng anh trước khi vợ chồng kết hôn, do mới cưới nhau vợ chồng không có công việc ổn định tài sản không có nên bố mẹ, cô dì chú bác và anh em ruột bên nhà anh là C đã cho vợ chồng vay mượn tạm để xây dựng nhà, do cô X mới sinh con nhỏ không có công việc ổn định nên không có thu nhập và do vợ chồng sau đó một thời gian ngắn mâu thuẫn nên một mình anh C đứng lên trả nợ dần các khoản nợ chung vợ chồng theo phương án ai cần đòi nợ trước trả trước, nếu tính khoản nợ với tài sản chung định giá lên hiện nay tương đương tài sản chung vợ chồng có, tính ra vợ chồng không còn tài sản chung sau khi trả nợ, nên trong đơn anh không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ. Thời gian vợ chồng mâu thuẫn một số anh em người nhà anh đã cho vợ chồng vay tiền làm nhà, vì là người đứng lên xây nhà và là người mua bán vật liệu và vay nợ trả nợ chung nên anh đã đứng lên vay nợ ngân hàng trả cho một số người cho vợ chồng vay tiền làm nhà. Đến nay công nợ cho ngân hàng anh tự thanh toán trả nợ xong, tài sản chung và công nợ anh và cô X tự thỏa thuận giải quyết xong với nhau, anh sở hữu toàn bộ tài sản chung vợ chồng là ngôi nhà hai tầng xây trên 116m² đất và được quyền sử dụng 116m² đất đứng tên riêng anh Nguyễn X C được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BV658463 ngày 08/10/2014 và có trách nhiệm thanh toán chênh lệch chia tài sản cho chị Nguyễn Thị X số tiền là 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng); phải thanh toán các khoản nợ tiền làm nhà cho anh Nguyễn Văn T số tiền 300.000.000đ; bà Lê Thị B 190.000.000đ và 1,6 cây vàng; anh Phạm Thanh Thuần 47.000.000đ; anh Hoàng X Ph 28.000.000đ; ông Trần Văn H 30.000.000đ; ông Nguyễn X C 20.000.000đ.

Ngày 26/10/2018, anh đã thanh toán xong cho chị X số tiền 85.000.000đ. Chị X đã nhận đủ và hai bên thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết phần tài sản, công nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên anh C đề nghị Tòa án ghi nhận phần tài sản và công nợ anh được hưởng và có nghĩa vụ trả nợ chung trong bản án để tránh tranh chấp sau này.

** Bị đơn – Chị Nguyễn Thị X trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị X có lời khai nhận phù hợp với phần trình bày của anh C về thời gian tìm hiểu, quá trình kết hôn, chung sống và ly thân của vợ chồng. Nay anh C làm đơn xin ly hôn, bản thân chị X nhận thấy tình cảm vợ chồng với anh C cũng không còn nên chị X đồng ý thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị X công nhận anh C khai nhận như trên là đúng . Tuy nhiên chị X cũng có nguyện xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và công nợ: Tại bản tự khai lần 1 ngày 02/03/2018 chị Nguyễn Thị X khai nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có tài sản riêng không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên ngày 28/3/2018 khi Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án giải quyết vấn đề ly hôn và con chung thì chị X có đơn đề nghị yêu cầu Tòa án xác minh giải quyết phân chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân, công nợ chung của vợ chồng. Trước khi tòa án tiến hành mở phiên họp và hòa giải về vấn đề tài sản chung và công nợ thì chị X đã tự thỏa thuận giải quyết xong phần tài sản và công nợ chung với anh C và có đơn rút yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa, tuy nhiên đề nghị Tòa án ghi nhận nội dung hai bên đã thỏa thuận về phần tài sản trong bản án để chánh tranh chấp sau này. Chị Nguyễn Thị X đã nhận đủ số tiền 85.000.000đ tiền chia chênh lệch tài sản từ anh C giao. Giữa chị X và anh C không còn liên quan bất kỳ vấn đề gì về kinh tế với nhau nữa .

Luật sư Nguyễn Phúc Tr - Luật sư thuộc Chi nhánh Công ty Luật TNHH INA đề nghị: Trước đây chị X ủy quyền cho anh Trường giải quyết về việc phân chia tài sản, công nợ chung của anh C, chị X. Các đương sự đã tự thỏa thuận giải quyết xong với nhau về phần tài sản, anh Trường không có ý kiến gì khác. Ngày 09 /11/2018 chị X có đơn đề nghị anh Trường là người bảo vệ quyền, lợi ích cho chị X trong vấn đề nuôi con chung, anh Trường nhất trí với lời trình bày của chị X và bổ sung thêm: Anh C trước đây từng vi phạm pháp luật về tội đánh bạc là đối tượng có nhân thân xấu, không thể là tấm gương tốt cho con noi theo, hơn nữa cháu Linh còn nhỏ lại là con gái, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của trẻ thơ, đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của chị X, giao con chung là cháu Linh cho chị X nuôi dưỡng, là phù hợp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Tr, bà B, ông C, ông H, anh Ph, anh Th có lời khai thống nhất với lời khai nhận của anh C, chị X nêu trên, nhất trí với sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án, đồng ý để anh C trả nợ chung vợ chồng và yêu cầu nhận tiền gốc, không yêu cầu tính lãi, xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, việc thụ lý, giải quyết, thu thập tài liệu chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố

tụng và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn X C và chị Nguyễn Thị X.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh Linh, sinh ngày 12/01/2015 cho anh Nguyễn X C là người trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh C không đề nghị chị X cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản và công nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung của các đương sự.

Về án phí: anh Nguyễn X C là nguyên đơn trong vụ án phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn. Án phí chia tài sản hai bên tự thỏa thuận phân chia tài sản không yêu cầu tòa án giải quyết nên không phải chịu án phí chia tài sản.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn luật sư Nguyễn Phúc Tr ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bích có mặt giữ nguyên quan điểm đã trình bày ở trên, còn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có lý do, theo quy định Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn X C và chị Nguyễn Thị X trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Hải Nam, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 30/6/2014 là hoàn toàn hợp pháp.

Mâu thuẫn giữa anh C và chị X là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không thật sự tin tưởng và cảm thông chia sẻ với nhau, tính tình và quan điểm sống khác nhau trong sinh hoạt hàng ngày. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị X đã sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được, anh C và chị X thuận tình ly hôn với sự tự nguyện nên cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các bên đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung:

Quá trình chung sống vợ chồng anh C, chị X có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh Linh, sinh ngày 12/01/2015, hiện nay cháu Linh đang sống cùng anh C. Nay ly hôn, anh C, chị X đều có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay và yêu cầu của các bên thì thấy: Anh C, chị X đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Chị X và anh C cùng có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và hai bên không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh C và chị X cùng xuất trình cho Tòa án đơn xác nhận có thu nhập cá nhân với mức lương trên 6.000.000đ và có xác nhận của nơi làm việc.

Xét nguyện vọng của các bên đương sự, chứng cứ chứng minh khả năng nuôi con do các bên đương sự kê khai cung cấp cho Tòa án, hoàn cảnh của các bên sau khi ly hôn thì thấy: Hiện nay cháu Nguyễn Khánh L gần tròn 4 tuổi và đang ở với anh C, theo giấy tờ anh C, chị X cung cấp về khả năng thu nhập cá nhân, hoàn cảnh môi trường sống thì anh C, chị X hiện nay đều đi làm và cùng có thu nhập phổ thông. chị X cho rằng anh C có nhân thân xấu về tội đánh bạc anh C không thể trở thành tấm gương tốt cho con noi theo, giao con cho anh C có thể dẫn đến việc cháu Linh bị ảnh hưởng bởi những thói hư tật xấu của người làm cha.

Qua xác minh và xác nhận của C quyền địa phương cơ sở nơi anh C đang ở thì thời gian qua anh C chấp hành tốt C sách pháp luật của nhà nước và quy định của địa phương, không có biểu hiện vi phạm pháp luật mới, xác nhận của phụ nữ cơ sở xóm anh C là người yêu thương con cái, cháu Linh rất yêu quý bố, lý do chị X đưa ra không phải là điều kiện để hạn chế việc giao con cho anh C.

Nghĩa vụ nuôi con thuộc về trách nhiệm chung của cha mẹ. Anh C là người khỏe mạnh và có công việc, hiện nay có nhà cửa và chỗ ở ổn định, từ khi cháu Linh sống chung với bố cho đến nay, anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh, từ khi chị X bỏ về nhà bố mẹ ở anh C nuôi dưỡng con một mình chị X không chu cấp gì về kinh tế cho anh C, cháu L vẫn phát triển bình thường sức khỏe tốt, được đi học đều đặn có xác nhận của địa phương nơi anh C ở và

trường mầm non nơi cháu Linh theo học, vì vậy nên giao cháu Linh cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng trực tiếp và chấp nhận ý kiến tự nguyện của anh Nguyễn X C không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng tiền nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] *Về chia tài sản và công nợ chung*: Anh Nguyễn X C và chị Nguyễn Thị X tự thỏa thuận phân chia trước khi Tòa án tiến hành hòa giải, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của các đương sự trong vụ án về phần tài sản chung.

[5] *Về án phí, lệ phí dân sự*:

- Án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Anh Nguyễn X C là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Án phí chia tài sản: Hai bên tự thỏa thuận phân chia tài sản trước khi Tòa án tiến hành hòa giải, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải nộp án phí chia tài sản. Chị X được hoàn lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn X C và chị Nguyễn Thị X.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 12/01/2015 cho anh Nguyễn X C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình hoặc anh C, chị X có yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị X không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Nguyễn X C theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp anh C, chị X có yêu cầu khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được gây cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản và công nợ chung:

Anh Nguyễn X C được quyền sử dụng diện tích đất 116m² đứng tên Nguyễn X C, được UBND huyện Hải Hậu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BV658463 ngày 08/10/2014 thuộc tờ bản đồ số 14, thửa 156 ở xóm 14 xã Hải Nam và được quyền sở hữu ngôi nhà hai tầng và công trình phụ khác được xây dựng trên đất 116m² này.

- Anh Nguyễn X C có trách nhiệm thanh toán cho chị X 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng) tiền chênh lệch chia tài sản (Ngày 26/10/2018 anh Nguyễn X C đã thanh toán xong số tiền 85.000.000đ cho chị X nhận đủ hai bên anh C, chị X không còn liên quan gì với nhau về kinh tế nữa). Về công nợ: anh Nguyễn X C phải thanh toán các khoản nợ gồm: Trả nợ anh Nguyễn Văn Tr 300.000.000đ; trả nợ bà Lê Thị Bích 190.000.000đ và 1,6 cây vàng; trả nợ anh Phạm Thanh Th 47.000.000đ; trả nợ anh Hoàng X Ph 28.000.000đ; trả nợ ông Trần Văn H 30.000.000đ; trả nợ ông Nguyễn X C 20.000.000đ.

Các đương sự có nghĩa vụ bàn giao các tài sản được chia và thanh toán các khoản giá trị tiền chênh lệch chia tài sản, thanh toán khoản tiền phải trả nợ cho nhau và anh Nguyễn X C có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan Nhà nước để làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất theo quy định của Bản án.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền người phải thi hành án chậm thi hành phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Anh Nguyễn X C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2015/0002411 ngày 02/3/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Hậu. Anh C đã nộp đủ tiền án phí.

- Án phí chia tài sản: Các bên đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản trước khi tòa án tiến hành hòa giải nên không phải nộp án phí chia tài sản. Chị Nguyễn Thị X được nhận lại 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền tạm ứng án

phí chia tài sản đã nộp theo biên lai số AA/2015/0002456 ngày 03/4/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Hậu.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do C đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản ;
- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- UBND xã Hải Nam: 01 bản;
- Cấp cho đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM THÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng